DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
KỲ II NĂM HỌC 2018-2019

(Kèm theo quyết định số 318 /QĐ-ĐHTL ngày 15/4/2020)

Danh sách 1:

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBHT	Rèn luyện	Số TC	Loại học bổng	Học bổng được cấp (đồng)
1	1851033169	Nguyễn Thị Nga	60V	3.33	Tốt	15	Giỏi	4,950,000

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
KỲ I NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo quyết định số /QĐ-ĐHTL ngày 15/4/2020)

Danh sách 2:

1. Khoa Hóa và Môi trường

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBHT	Rèn luyện	Số TC	Loại học bổng	Học bổng được cấp (đồng)
1	1651180874	Trần Kim Anh	58KTH-HC	2.73	Tốt	15	Khá	4,575,000
2	1651180954	Nguyễn Đức Thành	58KTH-HC	3.33	Tốt	15	Giỏi	5,490,000
3	1651180835	Bùi Thị Thu Uyên	58KTH-HC	2.80	Tốt	15	Khá	4,575,000
4	1651090752	Đoàn Linh Giang	58MT1	3.07	Tốt	14	Khá	4,270,000
5	1651090683	Kiều Thị Mai Hương	58MT1	3.44	Xuất sắc	16	Giỏi	5,856,000
6	1651090766	Nguyễn Thu Hương	58MT1	3.11	Tốt	19	Khá	5,795,000
7	1651091056	Phạm Phương Anh	58MT2	2.94	Xuất sắc	16	Khá	4,880,000
8	1651091026	Trần Thị Thảo Phương	58MT2	3.36	Xuất sắc	25	Giỏi	9,150,000
9	1751181039	Phạm Thị Kim Anh	59KTH	2.75	Khá	20	Khá	6,100,000
10	1751120933	Nguyễn Thị Phương	59MT1	4.00	Xuất sắc	19	Xuất sắc	8,113,000
11	1751090663	Nguyễn Trọng Thắng	59MT1	3.84	Xuất sắc	19	Xuất sắc	8,113,000
12	1851182282	Bùi Thị Cẩm Nhung	60KTH	3.05	Tốt	19	Khá	5,795,000
13	1851092512	Nguyễn Văn Thắng	60MT	2.63	Tốt	16	Khá	4,880,000
14	1851192531	Nguyễn Thị Thúy Hiền	60SH	3.53	Khá	15	Khá	4,575,000
15	1851190603	Vũ Thùy Linh	60SH	3.06	Xuất sắc	16	Khá	4,880,000
Tổng								**87,047,000**

2. Khoa Kỹ thuật tài nguyên nước

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBHT	Rèn luyện	Số TC	Loại học bổng	Học bổng được cấp (đồng)
1	1651072316	Nguyễn Trung Hiếu	58CTN	2.76	Tốt	17	Khá	5,185,000
2	1651072549	Phạm Minh Khôi	58CTN	2.52	Tốt	21	Khá	6,405,000
3	1651031175	Đỗ Thị Mai Anh	58G	3.67	Xuất sắc	18	Xuất sắc	7,686,000
4	1651031205	Ngô Khánh Linh	58G	3.43	Xuất sắc	21	Giỏi	7,686,000
5	1651030997	Vũ Thị Hiền	58G	3.29	Tốt	21	Giỏi	7,686,000
6	1651030819	Vũ Dương	58G	3.22	Khá	18	Khá	5,490,000
7	1651072241	Nguyễn Thế Anh	58CTN	4.00	Tốt	7	Giỏi	2,562,000
8	1651102265	Doãn Đoàn Bảo	58H	2.87	Tốt	23	Khá	7,015,000
9	1651102651	Phạm Thị Hà	58H	2.61	Khá	18	Khá	5,490,000
10	1651022204	Quách Thị Thu Hiền	58N-QL	3.71	Xuất sắc	17	Xuất sắc	7,259,000
11	1651022595	Lê Văn Lộc	58N-QL	4.00	Tốt	7	Giỏi	2,562,000
12	1651022382	Nguyễn Viết Hiếu	58N-QL	3.18	Tốt	17	Khá	5,185,000
13	1651022086	Lã Quý Hiếu	58N-QL	3.16	Xuất sắc	19	Khá	5,795,000
14	1651024135	Keaut Vannet	58N-QL	3.00	Tốt	12	Khá	3,660,000

15	1651022615	Đỗ Thị Trà My	58N-QL	2.53	Khá	19	Khá	5,795,000
16	1651022238	Phạm Thái Bảo	58N-TK	3.13	Xuất sắc	16	Khá	4,880,000
17	1651022801	Trần Thị Ngọc Anh	58N-TK	2.94	Tốt	16	Khá	4,880,000
18	1651150908	Vũ Thị Quỳnh Thư	58TD-BD	3.71	Xuất sắc	17	Xuất sắc	7,259,000
19	1651021141	Hoàng Thị Lan	58TD-BD	3.53	Xuất sắc	17	Giỏi	6,222,000
20	1651150898	Đinh Thị Trà	58TD-BD	3.47	Xuất sắc	17	Giỏi	6,222,000
21	1651151157	Tạ Lê Phương	58TD-BD	3.35	Tốt	17	Giỏi	6,222,000
22	1651151151	Nguyễn Thành Luân	58TD-BD	3.35	Xuất sắc	17	Giỏi	6,222,000
23	1651151120	Nguyễn Văn Thắng	58TD-BD	2.90	Khá	20	Khá	6,100,000
24	175A030039	Nguyễn Hoàng Phương	59H	3.59	Tốt	17	Giỏi	6,222,000
25	175A030159	Vũ Đình Mạnh	59H	3.43	Tốt	14	Giỏi	5,124,000
26	175A030029	Phạm Mạnh Đức	59H	3.08	Tốt	13	Khá	3,965,000
27	175A020173	Phí Đình Châu	59N	3.26	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
28	175A020131	Nguyễn Thu Trang	59N	3.77	Khá	13	Khá	3,965,000
29	175A020088	Đỗ Thị Hiền Lương	59N	2.94	Tốt	16	Khá	4,880,000
30	175A020374	Hoàng Diệu Hằng	59V	3.50	Tốt	20	Giỏi	7,320,000
31	175A020090	Nguyễn Thị Thu	59V	3.15	Xuất sắc	20	Khá	6,100,000
32	1851020612	Phạm Thị Thanh Mai	60N	3.24	Xuất sắc	17	Giỏi	6,222,000
33	1851033169	Nguyễn Thị Nga	60V	3.07	Khá	15	Khá	4,575,000
Tổng								**188,795,000**

3. Khoa Công nghệ thông tin

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBHT	Rèn luyện	Số TC	Loại học bổng	Học bổng được cấp (đồng)
1	1651160981	Tưởng Thị Hồng Nhung	58HT	3.73	Tốt	22	Giỏi	7,524,000
2	1651160863	Đào Quang Minh	58HT	3.64	Tốt	22	Giỏi	7,524,000
3	1651171122	Trần Đức Lương	58PM	3.64	Xuất sắc	22	Xuất sắc	8,778,000
4	1651170624	Bùi Huỳnh Đức	58PM	4.00	Tốt	22	Giỏi	7,524,000
5	1651060837	Nguyễn Xuân Phi	58TH1	3.79	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
6	1651061162	Thiều Phan Chính	58TH1	3.32	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
7	1651061043	Trần Kim Tín	58TH2	3.63	Tốt	16	Giỏi	5,856,000
8	1651060649	Vũ Văn Thuyên	58TH2	3.25	Xuất sắc	16	Giỏi	5,856,000
9	1651060845	Vũ Chí Công	58TH3	3.79	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
10	1651061080	Ngô Ngọc Thiện	58TH3	3.68	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
11	1651060689	Lưu Xuân Đại	58TH3	3.63	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
12	1651060633	Nguyễn Văn Lý	58TH3	3.37	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
13	1651061077	Nguyễn Minh Ánh	58TH3	3.26	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
14	1651060891	Phạm Văn Tấn	58TH3	3.53	Khá	19	Khá	5,795,000
15	1651060663	Đặng Văn Toản	58TH3	3.47	Khá	19	Khá	5,795,000
16	1651060951	Hà Thị Oanh	58TH4	3.25	Xuất sắc	16	Giỏi	5,856,000
17	1651060746	Nguyễn Việt Anh	58TH4	3.81	Khá	16	Khá	4,880,000
18	1754011912	Lê Thanh Thảo	59HT	3.57	Xuất sắc	21	Giỏi	7,182,000
19	175A071236	Nguyễn Thị Trang	59HT	3.57	Tốt	21	Giỏi	7,182,000
20	175A071354	Nguyễn Phú Huy	59HT	3.43	Tốt	21	Giỏi	7,182,000
21	175A071198	Trần Thu Thuỷ	59HT	3.43	Tốt	21	Giỏi	7,182,000
22	175A071446	Ngụy Thị Huyền Trang	59PM1	3.57	Tốt	21	Giỏi	7,182,000
23	175A071531	Nguyễn Thị Hoa	59PM1	3.43	Xuất sắc	21	Giỏi	7,182,000
24	175A071342	Trần Thị Lan Anh	59PM1	3.29	Tốt	21	Giỏi	7,182,000
25	175A071273	Đinh Vạn Hùng	59PM1	3.43	Khá	21	Khá	5,985,000
26	175A071157	Đỗ Văn Bách	59PM2	3.43	Tốt	21	Giỏi	7,182,000
27	175A071271	Lê Tuấn Hùng	59PM2	3.29	Tốt	21	Giỏi	7,182,000
28	175A071167	Nguyễn Văn Hữu	59TH1	3.57	Tốt	21	Giỏi	7,686,000
29	175A071398	Bùi Văn Đức	59TH1	3.33	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
30	175A071261	Lê Thị Diệu Hường	59TH1	3.33	Khá	18	Khá	5,490,000
31	175A070275	Nguyễn Quý Tùng Lâm	59TH1	3.17	Tốt	18	Khá	5,490,000
32	175A071344	Nguyễn Việt Hưng	59TH1	3.17	Khá	18	Khá	5,490,000

33	175A071162	Khổng Thị Hường	59TH1	3.17	Khá	18	Khá	5,490,000
34	175A071449	Dương Tiến Nam	59TH2	3.20	Tốt	15	Giỏi	5,490,000
35	175A071174	Hoàng Giang Nam	59TH2	3.33	Khá	18	Khá	5,490,000
36	175A071358	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	59TH2	3.20	Khá	15	Khá	4,575,000
37	175A071533	Trần Thị Vui	59TH2	3.17	Khá	18	Khá	5,490,000
38	175A071503	Đặng Thị Thương	59TH2	3.00	Xuất sắc	18	Khá	5,490,000
39	175A071295	Ngô Việt Hoàng	59TH3	3.17	Tốt	18	Khá	5,490,000
40	1851033276	Nguyễn Diệu Linh	60HT	3.17	Tốt	18	Khá	5,130,000
41	1851160588	Phan Thị Quyên	60HT	3.17	Tốt	18	Khá	5,130,000
42	1851161472	Lê Thị Ngọc Minh	60HT	2.93	Tốt	15	Khá	4,275,000
43	1851161680	Đoàn Hải Long	60HT	2.50	Tốt	18	Khá	5,130,000
44	1851171740	Nguyễn Văn Nam	60PM1	3.67	Xuất sắc	18	Xuất sắc	7,182,000
45	1851170067	Phùng Đức Đạt	60PM1	3.56	Khá	18	Khá	5,130,000
46	1851171566	Bùi Văn Đức	60PM1	3.39	Khá	18	Khá	5,130,000
47	1851171902	Ngô Xuân Trà	60PM2	3.61	Xuất sắc	18	Xuất sắc	7,182,000
48	1851170142	Trịnh Đình Hiếu	60PM2	3.33	Xuất sắc	18	Giỏi	6,156,000
49	185P1063484	Phạm Văn Cao	60TH	3.42	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
50	185P1063390	Dương Long Vũ	60TH	3.26	Xuất sắc	19	Giỏi	6,954,000
51	1851061438	Vũ Minh Quang	60TH1	3.59	Tốt	17	Giỏi	6,222,000
52	1851061605	Nguyễn Bá Thọ	60TH1	3.53	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
53	1851061369	Đỗ Duy Lực	60TH1	3.44	Xuất sắc	16	Giỏi	5,856,000
54	1851061400	Phùng Quang Huy	60TH2	3.53	Xuất sắc	19	Giỏi	6,954,000
55	1851060117	Nguyễn Xuân Thành	60TH2	3.53	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
56	1851061983	Nguyễn Văn Sang	60TH2	3.47	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
57	1851061743	Nguyễn Cao Thiêm	60TH3	3.74	Xuất sắc	19	Xuất sắc	8,113,000
58	1851061725	Đoàn Khánh Chi	60TH3	3.53	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
59	1851061332	Nguyễn Thanh Tùng	60TH4	3.74	Xuất sắc	19	Xuất sắc	8,113,000
60	1851061356	Lê Dương Hùng	60TH4	3.63	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
61	1851061344	Ngô Thị Duyên	60TH4	3.47	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
62	1851060029	Đỗ Tiến Đạt	60TH4	3.42	Xuất sắc	19	Giỏi	6,954,000
63	1851061469	Nguyễn Đức Hạnh	60TH4	3.42	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
64	1851061339	Nguyễn Thị Yến Nhi	60TH4	3.27	Tốt	22	Giỏi	8,052,000
65	1851061662	Nguyễn Dũng Hiếu	60TH5	3.74	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
66	1851061855	Nguyễn Danh Thành	60TH5	3.53	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
Tổng								**430,151,000**

4. Khoa Cơ khí

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBHT	Rèn luyện	Số TC	Loại học bổng	Học bổng được cấp (đồng)
1	1651052539	Trần Trọng Đại	58M-KTO1	3.22	Khá	18	Khá	5,490,000
2	1651052571	Trần Tuấn Anh	58M-KTO1	3.29	Khá	21	Khá	6,405,000
3	1651052289	Phạm Thị Huyền	58M-KTO1	3.14	Tốt	21	Khá	6,405,000
4	1651052666	Trần Văn Đạo	58M-KTO1	3.19	Khá	21	Khá	6,405,000
5	1651052390	Hoàng Đình Huy	58M-KTO1	3.21	Khá	24	Khá	7,320,000
6	1651052694	Hoàng Văn Cường	58M-KTO2	3.58	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
7	1651052659	Lê Văn Tình	58M-KTO2	3.47	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
8	1651052481	Phan Văn Khải	58M-KTO2	3.21	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
9	1651052480	Nguyễn Duy Hiếu	58M-KTO2	3.21	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
10	1651052712	Nguyễn Thu Hiền	58M-KTO2	3.21	Tốt	24	Giỏi	8,784,000
11	1651052641	Nguyễn Mạnh Quang	58M-KTO2	3.16	Tốt	19	Khá	5,795,000
12	1651052418	Phạm Ngọc Tân	58M-KTO2	3.16	Tốt	19	Khá	5,795,000

13	1651052427	Vũ Xuân Đức	58M-KTO2	3.16	Tốt	19	Khá	5,795,000
14	1651052576	Đặng Văn Trường	58M-KTO2	3.00	Tốt	19	Khá	5,795,000
15	1651052703	Nguyễn Văn Kha	58M-KTO2	2.89	Tốt	19	Khá	5,795,000
16	1651052300	Nguyễn Khắc Thọ	58M-XD1	3.42	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
17	1651052215	Phùng Đình Hưng	58M-XD1	2.85	Tốt	13	Khá	3,965,000
18	1651052464	Vũ Văn Tùng	58M-XD2	2.95	Tốt	19	Khá	5,795,000
19	1651052773	Dương Đức Minh	58M-XD2	2.91	Xuất sắc	22	Khá	6,710,000
20	1751050890	Đào Phúc Sơn	59M-CNCT	3.74	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
21	1751053554	Trần Duy Anh	59M-CNCT	3.32	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
22	1751053643	Đoàn Văn Triệu	59M-CNCT	3.32	Khá	19	Khá	5,795,000
23	1751050878	Lương Thế Công	59M-KTO	3.71	Xuất sắc	21	Xuất sắc	8,967,000
24	1751051086	Nguyễn Quang Hưng	59M-KTO	3.40	Tốt	15	Giỏi	5,490,000
25	1751050725	Bùi Văn Tài	59M-KTO	3.28	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
26	1751050999	Trần Văn Công	59M-KTO	3.29	Xuất sắc	23	Giỏi	9,611,000
27	1751050868	Đặng Văn Anh	59M-KTO	3.11	Khá	18	Khá	5,490,000
28	1751050470	Vũ Văn Tùng	59M-XD	3.44	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
29	1851202375	Đỗ Kim Thịnh	60CĐT.NB	3.72	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
30	1851201385	Đậu Xuân An	60CĐT.NB	3.39	Khá	18	Khá	5,490,000
31	1851202192	Lê Việt Anh	60CĐT.NB	3.06	Tốt	18	Khá	5,490,000
32	1851202253	Nguyễn Đức Tùng	60CĐT1	2.93	Khá	15	Khá	4,575,000
33	1851200347	Nguyễn Tất Thành	60CĐT1	2.67	Khá	18	Khá	5,490,000
34	1851202011	Nguyễn Chí Vỹ	60CĐT2	2.53	Tốt	15	Khá	4,575,000
35	1851052002	Phùng Minh Nghĩa	60CK.NB1	4.00	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
36	1851051992	Trần Cảnh Kỳ	60CK.NB1	3.11	Khá	18	Khá	5,490,000
37	1851052022	Hà Huy Duy	60CK.NB1	2.83	Xuất sắc	18	Khá	5,490,000
38	1851051666	Nguyễn Văn Bảo Ngọc	60CK.NB2	3.28	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
39	1851052241	Mai Trung Tùng	60CK.NB2	3.33	Khá	18	Khá	5,490,000
40	1851052169	Nguyễn Ngọc Hải	60CK.NB2	3.11	Khá	18	Khá	5,490,000
41	1851052424	Đào Minh Trí	60CK.NB2	3.06	Khá	18	Khá	5,490,000
42	1851052414	Vũ Quang Huy	60CK.NB2	3.00	Khá	18	Khá	5,490,000
43	1851052628	Đặng Trường Giang	60CK1	2.67	Tốt	18	Khá	5,490,000
44	1851052255	Nguyễn Trường An	60CK1	2.56	Khá	18	Khá	5,490,000
45	1851052171	Đỗ Khắc Hiếu	60CK2	2.50	Tốt	18	Khá	5,490,000
46	1851052235	Hoàng Việt Long	60CK3	3.28	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
47	1851052439	Nguyễn Viết Cường	60CK3	3.00	Tốt	15	Khá	4,575,000
48	1851052373	Phạm Hoàng Đạt	60CK4	3.39	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
49	1851052119	Nguyễn Mạnh Chí	60CK4	3.28	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
50	1851052037	Nguyễn Hồng Sơn	60CK4	2.94	Tốt	18	Khá	5,490,000
51	1851051806	Nguyễn Văn Tiến	60CK5	2.94	Tốt	18	Khá	5,490,000
52	1851222533	Lê Thế Thành An	60CTM	2.72	Tốt	18	Khá	5,490,000
53	1851222003	Phạm Văn Duy	60CTM.NB	2.50	Tốt	18	Khá	5,490,000
Tổng								**324,554,000**

5. Khoa Điện - Điện tử

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBHT	Rèn luyện	Số TC	Loại học bổng	Học bổng được cấp (đồng)
1	1651122578	Phạm Văn Đồng	58KTĐ-HTĐ1	3.29	17	Tốt	Giỏi	6,222,000
2	1651122240	Lê Xuân Đức	58KTĐ-HTĐ1	3.29	17	Tốt	Giỏi	6,222,000

3	1651122429	Nguyễn Minh Hiếu	58KTĐ-HTĐ2	3.29	17	Khá	Khá	5,185,000
4	1651122580	Hà Thanh Hưng	58KTĐ-HTĐ2	3.12	17	Khá	Khá	5,185,000
5	1651122568	Âu Tiến Dũng	58KTĐ-TĐH1	3.47	17	Xuất sắc	Giỏi	6,222,000
6	1651122630	Nguyễn Khắc Tuyên	58KTĐ-TĐH1	3.25	20	Tốt	Giỏi	7,320,000
7	1651122599	Vũ Đa Lin	58KTĐ-TĐH1	3.15	20	Khá	Khá	6,100,000
8	1651122224	Lê Thanh Quý	58KTĐ-TĐH2	3.85	20	Xuất sắc	Xuất sắc	8,540,000
9	1651122665	Vũ Tiến Dũng	58KTĐ-TĐH2	3.82	17	Xuất sắc	Xuất sắc	7,259,000
10	1651122231	Đỗ Văn Duy	58KTĐ-TĐH2	3.47	17	Tốt	Giỏi	6,222,000
11	1651122597	Nguyễn Minh Đức	58KTĐ-TĐH2	3.45	20	Tốt	Giỏi	7,320,000
12	1651122689	Nguyễn Văn Phương	58KTĐ-TĐH2	3.35	17	Tốt	Giỏi	6,222,000
13	1651122721	Hoàng Văn Hậu	58KTĐ-TĐH2	3.35	17	Tốt	Giỏi	6,222,000
14	1651122566	Hà Danh Quang	58KTĐ-TĐH2	3.35	17	Tốt	Giỏi	6,222,000
15	1751120834	Hứa Quang Linh	59KTD1	3.63	16	Xuất sắc	Xuất sắc	6,832,000
16	1751120827	Hoàng Đức Hảo	59KTD1	3.55	20	Xuất sắc	Giỏi	7,320,000
17	1751120547	Nguyễn Ngọc Trường	59KTD1	3.29	17	Khá	Khá	5,185,000
18	1751120917	Đỗ Văn Mười	59KTD2	3.45	20	Tốt	Giỏi	7,320,000
19	1751120871	Vũ Minh Đức	59KTD2	3.35	20	Xuất sắc	Giỏi	7,320,000
20	1751120877	Nguyễn Khắc Thiện	59KTD2	3.31	13	Tốt	Giỏi	4,758,000
21	1751120867	Nguyễn Việt Hoàng	59KTD2	3.30	20	Tốt	Giỏi	7,320,000
22	1751120847	Tống Văn Hoàn	59KTD2	3.15	20	Xuất sắc	Khá	6,100,000
23	1751120946	Nguyễn Hữu Cường	59KTD2	3.10	20	Tốt	Khá	6,100,000
24	1751122279	Nguyễn Thị Hoan	59KTD3	3.70	20	Xuất sắc	Xuất sắc	8,540,000
25	1751120997	Đồng Trung Kiên	59KTD3	3.65	20	Xuất sắc	Xuất sắc	8,540,000
26	1751121034	Trần Thế Trung	59KTD3	3.15	20	Xuất sắc	Khá	6,100,000
27	1851212168	Nguyễn Duy Bình	60TĐH1	3.73	15	Tốt	Giỏi	5,490,000
28	1851212081	Phạm Việt Hưng	60TĐH1	3.47	17	Tốt	Giỏi	6,222,000
29	1851212250	Nguyễn Thành Long	60TĐH1	3.12	17	Tốt	Khá	5,185,000
30	1851212618	Nguyễn Hồng Đăng	60TĐH1	3.07	15	Khá	Khá	4,575,000
31	1851212162	Đào Công Chức	60TĐH1	2.65	17	Khá	Khá	5,185,000
32	1851212362	Nguyễn Duy Tuấn Anh	60TĐH2	3.88	17	Xuất sắc	Xuất sắc	7,259,000
33	1851212101	Nguyễn Đình Nam	60TĐH2	3.53	17	Xuất sắc	Giỏi	6,222,000
34	1851212280	Nguyễn Đình Chiến	60TĐH2	3.24	17	Xuất sắc	Giỏi	6,222,000
35	1851210661	Nguyễn Ngọc Ánh	60TĐH2	3.00	17	Tốt	Khá	5,185,000
36	1851212386	Lê Văn Chiến	60TĐH2	2.76	17	Tốt	Khá	5,185,000
37	1851212096	Vũ Văn Triển	60TĐH2	2.59	17	Tốt	Khá	5,185,000
Tổng								**233,813,000**

6. Trung tâm Đào tạo Quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm TBHT	Rèn luyện	Số TC	Loại học bổng	Học bổng được cấp (đồng)
1	1552020135	Nguyễn Văn Quân	58CNK	3.82	Xuất sắc	17	Xuất sắc	7,259,000
2	1652013978	Nguyễn Thị Lan Bình	58NKN	3.75	Xuất sắc	16	Xuất sắc	6,832,000
3	1752010010	Nguyễn Thủy Tiên	59NKN	3.84	Tốt	19	Giỏi	6,954,000
4	1852020005	Trịnh Trần Tiểu Long	60CNK	3.71	Xuất sắc	17	Xuất sắc	7,259,000
5	1851020343	Phạm Thị Bạch Quỳnh	60NKN	3.50	Tốt	18	Giỏi	6,588,000
Tổng								**34,892,000**
Tổng số tiền học bổng của 6 khoa								**1,299,252,000**